

Bản án số: 31/2021/HS -ST
Ngày: 28-05-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Kính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Quyết và ông Bùi Văn Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Minh Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên tòa: Ông Đinh Thế Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 05 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 04 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 05 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn N1, sinh ngày 07 tháng 11 năm 1959 tại: Xã V - Huyện L - Tỉnh Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm M, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 5/10; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T, sinh năm 1925 (đã chết) và bà Quách Thị N, sinh năm 1925 (đã chết); bị cáo có vợ là Bùi Thị T, sinh năm 1960 và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Năm 2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời hạn thử thách 48 tháng về tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ” (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/12/2020 đến ngày 31/12/2020; bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Văn N2, sinh ngày 16 tháng 05 năm 1980 tại: Xã V - Huyện L - Tỉnh Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm M, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân L, sinh năm 1953 (đã chết) và bà Bùi Thị T, sinh năm 1953; bị cáo có vợ là Bùi Thị Đ, sinh năm 1983 và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/12/2020 đến ngày 31/12/2020; bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Văn V, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1962 tại: Xã Q - Huyện L - Tỉnh Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm N, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Lao

động phổ thông; trình độ học vấn: 03/10; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T, sinh năm 1925 (đã chết) và bà Bùi Thị S, sinh năm 1930 (đã chết); bị cáo có vợ là Bùi Thị H, sinh năm 1959 và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/12/2020 đến ngày 31/12/2020; bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn V: Bà Nguyễn Bích L – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hòa Bình (vắng mặt).*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Bùi Văn D, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Xóm T, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình (có mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng cuối năm 2018, Bùi Văn N1 khoan đá thuê trên tuyến đường thuộc xã Q, huyện L, Hòa Bình. Nhiệm vụ của N1 là khoan đá thuê và vác các bao tải chứa thuốc nổ cho thợ mìn nạp vào các lỗ khoan, đồng thời dọn dẹp các bao tải chứa thuốc nổ đã sử dụng hết. Quá trình dọn dẹp, N1 gom lại số thuốc nổ còn sót ở các bao tải vào một túi nilon, lợi dụng lúc không có người mang về nhà cất giấu với mục đích là để sử dụng dần. Khoảng giữa tháng 12/2020, ông Bùi Văn D, sinh năm 1959, trú tại xóm T, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình gọi điện thoại đặt vấn đề thuê Bùi Văn N1 đến phá đá để san mặt bằng vườn nhà. Giữa N1 và ông D đã thỏa thuận với nhau là 200.000đ/lỗ khoan, còn cách thức phá đá như thế nào là do Nghe tự làm, hai bên đã thống nhất ngày 22/12/2020 N1 sẽ đến phá đá cho nhà ông D.

Chiều ngày 21/12/2020, Bùi Văn N1 gọi điện thoại rủ Bùi Văn V, đến nhà ông D để khoan đá nổ mìn cùng với N1 và V đồng ý, đồng thời Nghe dặn V sáng ngày hôm sau, trước khi đến nhà ông D thì qua nhà ông Bùi Văn S ở xóm K, xã Q lấy máy khoan mà trước đó N1 đã gửi, mang đến nhà ông D. Do chưa có người đứng khoan nên Bùi Văn N1 đến nhà Bùi Văn N2 (là hàng xóm) rủ N2 tham gia khoan đá, nổ mìn với N1 và N2 đồng ý. Sau đó N1 hỏi N2 có kíp nổ không thì N2 nói chỉ có 01 chiếc kíp (*chiếc kíp này N2 khai nhận được ngoài đường*). Như đã hẹn, khoảng 9h30 ngày 22/12/2020, N1 và N2 mỗi người đi một xe mô tô. N1 cầm theo một túi nilon bên trong có chứa thuốc nổ và một số dụng cụ khác; N2 cầm theo kíp nổ đi đến khu vực nhà ông D, N2 đưa cho N1 kíp nổ rồi cả hai cùng vào nhà ông D. Khi N1 và N2 đến nhà ông D thì đã thấy V ở đó. Sau đó, cả ba người ăn cơm tại nhà ông D. Sau khi đã ăn cơm trưa xong, ông D ra vườn chỉ chỗ cần phá đá cho N1, N2, V rồi ông D đi vào nhà, còn N1, N2 và V bắt đầu phá đá. N2 cầm khoan và khoan được 01 lỗ khoan vào tảng đá, N1 lấy thuốc nổ và kíp nổ nạp vào lỗ khoan còn V có nhiệm vụ đi tìm những viên đá hộc để che lỗ khoan sau khi đã được nhồi thuốc nhằm mục đích để sau khi nổ thì đất đá không bị văng ra xa. Khi

N2 đang khoan lỗ thứ 2 thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang thu giữ 1,2 kg (một phẩy hai kilôgam) thuốc nổ ANFO và một số vật chứng khác.

Tại kết luận giám định số 9308/C09-P2 ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công An kết luận:

“- Mẫu vật gửi giám định ký hiệu M1 là thuốc nổ công nghiệp ANFO, còn sử dụng được. Thuốc nổ công nghiệp ANFO thường được dùng trong khai khoáng, mở đường ... Khối lượng là 1,2 kg (một phẩy hai kilôgam).

- Mẫu vật gửi giám định có ký hiệu M2 tìm thấy dấu vết của NH_4NO_3 (amôni nitrat), đây là thành phần chính của thuốc nổ công nghiệp”.

- Xác minh tại Sở Công thương, tỉnh Hòa Bình xác định: Sở Công thương chỉ cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho doanh nghiệp, không cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho cá nhân.

* *Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan ANĐT đã thu giữ:*

- 1,2 (một phẩy hai) kilôgam thuốc nổ ANFO;
- 01 (một) máy kích điện màu vàng có ký hiệu EXdiMA dài 20 cm, rộng 14 cm đã qua sử dụng;
- 01 (một) máy khoan cầm tay nhãn hiệu YN27C màu vàng được kết nối với 01 ống nhựa màu đen đã qua sử dụng;
- 02 (hai) mũi khoan: 01 mũi dài 104cm; 01 mũi dài 61cm;
- 01 (một) chiếc can màu xám, nắp can màu đỏ, phía ngoài được dán giấy với nội dung CALTEX, thể tích 800ml;
- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius R màu đỏ đen, BKS: 28N1-237.61 đã qua sử dụng;
- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu BLADE màu xanh đen, BKS: 28N1-318.19 đã qua sử dụng;
- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, BKS: 28N1-072.56 đã qua sử dụng;
- 01 (một) điện thoại di động OPPO màu trắng, số IMEI 1: 867941029085252, số IMEI 2: 867941029085245 đã qua sử dụng;
- 01 (một) điện thoại di động OPPO màu xanh đen, số IMEI 1: 860777054001039, số IMEI 2: 860777054001021 đã qua sử dụng;
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, số IMEI 1: 354432117895364, số IMEI 2: 354432118055364 đã qua sử dụng.

Hiện số thuốc nổ nêu trên, Cơ quan An ninh điều tra đã gửi tại Kho của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hòa Bình; Các vật chứng còn lại đã được nhập kho vật chứng theo quy định. Ngoài ra, trong quá trình điều tra, Bùi Văn N1 và Bùi Văn V khai nhận trước đó đã 01 lần sử dụng vật liệu nổ tại xã Q, huyện L, Hòa Bình. Tuy nhiên, đến nay Cơ quan an ninh điều tra chưa đủ căn cứ để chứng minh số lượng vật liệu nổ mà N1 và V đã sử dụng trước đó. Vì vậy, chưa đủ căn cứ để xử lý trong vụ án này.

Tại cơ quan điều tra, truy tố, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 12 tháng 04 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình đã truy tố bị cáo Bùi Văn N1 về tội " *Tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ* "; Các bị cáo Bùi Văn N2, Bùi Văn V về tội " *Sử dụng trái phép vật liệu nổ* " theo khoản 1 Điều 305 của Bộ luật hình sự.

Thực hành quyền công tố tại phiên toà, đại diện VKSND huyện Lạc Sơn, sau khi xem xét, đánh giá toàn bộ nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; trình bày quan điểm và luận tội: Giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Văn N1 phạm tội " *Tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ* "; các bị cáo Bùi Văn N2, Bùi Văn V phạm tội " *Sử dụng trái phép vật liệu nổ* ";

+ Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 305; điểm s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Bùi Văn N1 từ 24 – 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo;

+ Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Bùi Văn N2 từ 18 – 21 tháng tù.

+ Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 305; điểm s, i, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Bùi Văn V từ 12 – 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo;

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Đề nghị tịch thu đối với: 1,16 kg (*một phẩy mười sáu kilôgam*) thuốc nổ ANFO còn lại sau giám định.

+ Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với: 01 (một) máy kích điện màu vàng có ký hiệu EXdiMA dài 20 cm, rộng 14 cm đã qua sử dụng; 01 (một) máy khoan cầm tay nhãn hiệu YN27C màu vàng được kết nối với 01 ống nhựa màu đen đã qua sử dụng; 02 (hai) mũi khoan: 01 mũi dài 104cm; 01 mũi dài 61cm; 01 (một) chiếc can màu xám, nắp can màu đỏ, phía ngoài được dán giấy với nội dung CALTEX, thể tích 800ml;

+ Đề nghị trả lại 03 (ba) xe mô tô và 03 điện thoại di động đã qua sử dụng cho các bị cáo .

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn V, bà Nguyễn Bích Liên: Đồng ý với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện, hoàn cảnh phạm tội, nhân thân để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo hướng cho bị cáo Bùi Văn V mức án thấp nhất dưới khung hình phạt nhưng cho hưởng án treo; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Bùi Văn V.

Các bị cáo Bùi Văn N1, Bùi Văn N2 và Bùi Văn V đồng ý với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố, không có ý kiến bổ sung và

xin giảm nhẹ hình phạt. Những người tham gia tố tụng khác, không ai có ý kiến hay yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Hòa Bình, Điều tra viên và Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai nhận của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 22/12/2020; biên bản thu giữ và niêm phong vật chứng, biên bản mở niêm phong vật chứng; biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 22/12/2020; bản kết luận giám định số 9308/C09-P2 ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công An cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 22/12/2020 tại xóm T, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Bùi Văn N1, Bùi Văn N2 và Bùi Văn V (*không được cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ*) vì động cơ, mục đích vụ lợi đã có hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép 1,2 kg (*một phẩy hai kilôgam*) thuốc nổ ANFO. Vì vậy, việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố bị cáo Bùi Văn N1 về tội " *Tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ* "; Các bị cáo Bùi Văn N2, Bùi Văn V về tội " *Sử dụng trái phép vật liệu nổ* " theo khoản 1 Điều 305 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng vật liệu nổ, tiềm ẩn nguy cơ mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức được tính chất, mức độ sai trái do hành vi gây ra. Song vì khó khăn về kinh tế, nhận thức và hiểu biết pháp luật hạn chế nên các bị cáo đã sử dụng trái phép vật liệu nổ nhằm phá đá lấy tiền công. Trong vụ án này mặc dù các bị cáo phạm tội chưa đạt vì nguyên nhân khách quan, tuy nhiên các bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự với hành vi đã thực hiện do lỗi cố ý.

Xét tính chất của vụ án, đây là vụ án đồng phạm về tội "*Sử dụng trái phép vật liệu nổ*" có tính chất giản đơn, không có tổ chức, không có sự câu kết chặt chẽ giữa các đồng phạm. do đó không có người chủ mưu, cầm đầu. Tuy nhiên, để làm cơ sở cho việc phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hình phạt đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử đã phân tích và xét thấy: Bị cáo Bùi Văn N1 là người trực tiếp được

ông D thuê phá đá và là người quyết định hình thức phá đá là sử dụng vật liệu nổ và rủ Bùi Văn N2, Bùi Văn V cùng tham gia thực hiện nên giữ vai trò chính; ngoài ra bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép vật liệu nổ nên phải chịu trách nhiệm riêng biệt về hành vi này. Bị cáo Bùi Văn N2 là người đưa kíp nổ cho N1 và trực tiếp khoan đá để Nghe nhồi thuốc và kíp nổ do đó bị cáo đồng phạm với vai trò người đồng thực hành và chịu trách nhiệm thứ yếu sau bị cáo N1. Đối với bị cáo Bùi Văn V là người tìm nhặt đá để che lấp lỗ khoan tạo điều kiện cho các bị cáo khác sử dụng trái phép vật liệu nổ nên đồng phạm với vai trò là người giúp sức và chịu trách nhiệm sau các bị cáo N1, N2.

Xét nguyên nhân, điều kiện phạm tội: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, nhận thức và hiểu biết pháp luật hạn chế nên khi làm khoan đá thuê trên tuyến đường thuộc xã Q, huyện L, Hòa Bình bị cáo Bùi Văn N1 đã gom lại số thuốc nổ còn sót ở các bao tải vào một túi nilon, lợi dụng lúc không có người mang về nhà cất giấu để sử dụng dần. Đây là điều kiện dẫn tới việc các bị cáo đã sử dụng trái phép vật liệu nổ để phá đá lấy tiền công ngày 22/12/2020 tại xóm T, xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Đánh giá tổng quan nguyên nhân, điều kiện phạm tội; hành vi và hậu quả trên thực tế cho thấy các bị cáo đã xâm phạm các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng vật liệu nổ nhưng thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng.

[5]Xét nhân thân của các bị cáo: Trước khi phạm tội các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên đối với bị cáo Bùi Văn N1 thì năm 2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời hạn thử thách 48 tháng về tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ” *(đã được xóa án tích)*.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong quá trình điều tra các bị cáo đều tích cực hợp tác với cơ quan điều tra làm rõ nội dung vụ án; các bị cáo là người dân tộc thiểu số *(dân tộc Mường)* sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, học vấn thấp nên nhận thức và hiểu biết pháp luật hạn chế; bị cáo Bùi Văn N1, Bùi Văn V tham gia quân đội, phục vụ chiến đấu bảo vệ Biên giới Vị Xuyên – Hà Tuyên. Các bị cáo Bùi Văn N2, Bùi Văn V phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Bùi Văn N1 trong quá trình tham gia quân đội được tặng bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Mặt khác các bị cáo đều có người thân là người có công với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc *(bị cáo Nghe có bố đẻ là Bùi Văn T được Bộ tư lệnh quân khu 3 cấp giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến, có anh trai là Bùi Văn O được Chủ tịch nước tặng huân chương chiến công hạng ba; bị cáo Bùi Văn V có bố đẻ là Bùi Văn C được Bộ tư lệnh quân khu 3 cấp giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến; bị cáo Bùi Văn N2 có bố đẻ Bùi Xuân L được Bộ Giáo dục và đào tạo tặng huy chương vì sự nghiệp giáo dục)*. Do vậy trong vụ án này bị cáo Bùi Văn N1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; bị cáo Bùi Văn N2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ

quy định tại các điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Bị cáo Bùi Văn V được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, i, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy luận cứ bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Bùi Văn V có căn cứ pháp lý và thực tiễn. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần quan điểm bào chữa, sẽ xem xét trong quá trình lượng hình.

[8] Cân nhắc tính chất lỗi, nguyên nhân, điều kiện và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo và tinh thần quy định tại Nghị quyết 02/2018 ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự. Xét thấy, chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà nên áp dụng với các bị cáo hình phạt tù có điều kiện cũng đủ giáo dục cải tạo các bị cáo, đồng thời thể hiện chính sách pháp luật hình sự khoan hồng, nhân đạo của Nhà nước. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 5 Điều 305 Bộ luật hình sự, các bị cáo còn có thể áp dụng hình phạt bổ sung. Song xét cụ thể trường hợp của các bị cáo, xét thấy việc áp dụng hình phạt bổ sung là không có tính khả thi, do đó không áp dụng.

[9] Về vật chứng vụ án:

+ Đối với 1,16 kg (*một phẩy mười sáu kilôgam*) thuốc nổ ANFO còn lại sau giám định cần tịch thu giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hòa Bình xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Đối với: 02 (hai) mũi khoan: 01 mũi dài 104cm; 01 mũi dài 61cm; 01 (một) chiếc can màu xám, nắp can màu đỏ, phía ngoài được dán giấy với nội dung CALTEX, thể tích 800ml cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với: 01 (một) máy kích điện màu vàng có ký hiệu EXdiMA dài 20 cm, rộng 14 cm đã qua sử dụng; 01 (một) máy khoan cầm tay nhãn hiệu YN27C màu vàng được kết nối với 01 ống nhựa màu đen đã qua sử dụng còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ Đối với: 03 (ba) xe mô tô và 03 điện thoại di động đã qua sử dụng, xét thấy đây là những tài sản thuộc sở hữu chung của gia đình các bị cáo nên cần tuyên trả.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn N1 phạm tội: “*Tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ*”; các bị cáo Bùi Văn N2, Bùi Văn V phạm tội: “*Sử dụng trái phép vật liệu nổ*”.

2. Về hình phạt:

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 305; điểm s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn N1: 24 (*hai mươi*

bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời hạn thử thách là 48 (*bốn mươi tám*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/05/2021.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 305; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn N2: 18 (*mười tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời hạn thử thách là 36 (*ba mươi sáu*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/05/2021.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 305; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn V: 12 (*mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời hạn thử thách là 24 (*hai mươi bốn*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/05/2021.

+ *Giao các bị cáo Bùi Văn N1, Bùi Văn N2 cho UBND xã V và giao bị cáo Bùi Văn V cho UBND xã Q, huyện L, tỉnh Hòa Bình quản lý giáo dục trong thời gian chấp hành án.*

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2, 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Hòa Bình xử lý theo quy định đối với: 1,16 kg (*một phẩy mười sáu kilôgam*) thuốc nổ ANFO còn lại sau giám định.

(*Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận đạn được giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hòa Bình và Kho K93 thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hòa Bình ngày 29/12/2020*)

- Tịch thu để xuất hủy đối với: 02 (hai) mũi khoan: 01 mũi dài 104cm; 01 mũi dài 61cm; 01 (một) chiếc can màu xám, nắp can màu đỏ, phía ngoài được dán giấy với nội dung CALTEX, thể tích 800ml.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) máy kích điện màu vàng có ký hiệu EXdiMA dài 20 cm, rộng 14 cm đã qua sử dụng; 01 (một) máy khoan cầm tay nhãn hiệu YN27C màu vàng được kết nối với 01 ống nhựa màu đen đã qua sử dụng.

- Trả lại:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 28N1 - 237.61, số máy E3T6E - 132214, số khung RLCUE1710GY087612, xe cũ đã qua sử dụng và 01(một) điện thoại di động OPPO màu trắng số IMEI 1: 867941029085252, số EMEI 2: 867941029085245 đã qua sử dụng cho bị cáo Bùi Văn N1.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 28N1 -072.56, số máy C52E - 5237048, số khung RLHJC5230CY015202, xe cũ đã qua sử dụng và 01(một) điện thoại di động Mastel màu đen số IMEI 1: 354432117895364, số EMEI 2: 354432118055364 đã qua sử dụng cho bị cáo Bùi Văn V.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu BLADE, màu xanh đen, biển kiểm soát 28N1 - 318.19, số máy JA36E- 0709975, số khung RL14JA3658GY159219, xe cũ đã qua sử dụng và 01(một) điện thoại di động OPPO màu xanh đen số IMEI 1: 860777054001039, số EMEI 2: 86077705400121 đã qua sử dụng cho bị cáo Bùi Văn N2.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Hòa Bình và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn ngày 15/04/2021).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Bùi Văn N1, Bùi Văn N2, Bùi Văn V mỗi người phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Hòa Bình (b/c);
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Cơ quan ANĐT công an tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- Chi cục THADS Lạc Sơn ;
- Bộ CHQS tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- Bị cáo + Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Kính

